

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 99/2026/TLST-HNGĐ ngày 18/3/2026, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chi Hồ Thị T, sinh năm 1994; CCCD số: 046194018057, cấp ngày 05/3/2022. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H.

- *Bị đơn*: Anh Lê Duy H, sinh năm 1992; CCCD số: 046092017256, cấp ngày 23/02/2022. Địa chỉ: Tổ dân phố L, phường H, thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Hồ Thị T và anh Lê Duy H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao cháu Lê Duy K, sinh ngày 08/02/2020 và cháu Lê Duy Bá T1, sinh ngày 24/11/2022 cho anh H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị Hồ Thị T có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật, không ai được cản trở.

Chị Hồ Thị T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.000.000đồng/1 con (2.000.000 đồng/2 con) kể từ khi Quyết định có hiệu lực cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ tiền cấp dưỡng nuôi con định kỳ thì phải chịu thêm lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về tài sản chung, nghĩa vụ về tài sản: Chị Hồ Thị T, anh Lê Duy H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hồ Thị T thỏa thuận chịu 150.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con định kỳ, tổng cộng là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000810 ngày 18/3/2026 của Thi hành án dân sự thành phố H. Chị T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Huế;
- VKSND thành phố Huế;
- VKSND khu vực 4 – Huế;
- THADS thành phố Huế
(Phòng THADS khu vực 4 – Huế);
- UBND phường Hương Thủy, TP Huế
(ĐKKH ngày 07/02/2020 tại UBND phường Thủy Lương cũ);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Đoàn Anh Nga